



Thư Tòa Soạn

Thơ chỉ có thể thay đổi khi ngôn ngữ và cách diễn đạt thay đổi. Đó là trường hợp thơ tự do phương Tây vào cuối thế kỷ 19. Nhưng thơ thể luật tiếng Anh cũng có cuộc thay đổi ngoạn mục như vậy, đồng thời với thơ tự do, nhưng ít người quan tâm và biết tới vì thơ tự do, đồng hành với những phong trào tiên phong hội họa, giữ ưu thế suốt thế kỷ 20. Thơ thể luật tiếng Anh, thời chủ nghĩa Lãng mạn, William Wordsworth dùng ngôn ngữ mộc mạc (rustic) trong thơ vì ông cho đó là cách tốt nhất để giao tiếp với thiên nhiên. Đối với ông, ngôn ngữ thơ và văn xuôi gần giống nhau, sự khác biệt chỉ là do thể luật. Thể luật không phải là yếu tố chủ yếu trong thơ mà chỉ là một phương tiện truyền tải cảm xúc.

Nhưng sau thời kỳ Lãng mạn, thơ tiếng Anh ở vào thời đại trị vì của nữ hoàng Victoria (1837-1901) và được gọi là thơ thời đại Victoria. Thơ ở thời kỳ này – quay ngược 180 độ – bao gồm những nhà thơ như Alfred Tennyson, Elizabeth Browning, Robert Browning, Gerard Hopkins ... họ gắn liền sáng tác với cách chọn chữ, chọn lời của thơ cổ điển. Ngôn ngữ thơ rơi vào tình trạng cầu kỳ, phô trương, khó hiểu và bí ẩn, vừa kỳ dị, vừa vô nghĩa. Trong khi thời gian này, ở Mỹ, nhà thơ Walt Whitman xuất bản tập thơ tự do *Lá Cỏ* (Leaves of Grass), vào năm 1855, khởi xướng thơ tự do. Điều thú vị là ở thời đại Victoria, nhà thơ Hopkins, ảnh hưởng thơ tự do của Walt Whitman, lại là người nói lòng luật thơ thể luật, với đơn vị âm thanh 4 âm tiết, thay vì chỉ có 2 hoặc 3 (*không nhán, nhán*), vào năm 1875, đưa thơ gần với văn xuôi. Kết quả của sự thay đổi trên, ngôn ngữ thơ thể luật và tự do dần dần xích lại nhau, qua tuyên ngôn của phái Hình

tượng (Imagism), “dùng ngôn ngữ thông thường với nghĩa chính xác”, và đã tạo ra những nhà thơ thể luật nổi tiếng và quan trọng nhất thế kỷ 20 như W. B. Yeats, giải thưởng Nobel văn chương 1923, Robert Frost, W. H. Auden ...

Như vậy, nước Anh là nước tiên phong trong cuộc cách mạng kỹ nghệ ở nửa sau thế kỷ 18, đến cuối thế kỷ 19, thơ tiếng Anh lại làm cuộc cách mạng, cả tự do lẫn thể luật. Điều này phù hợp với sự thay đổi về đời sống văn hóa. Bởi vì đầu thế kỷ 20, xã hội phương Tây đã hoàn toàn là những xã hội kỹ nghệ, nhu cầu truyền tải tư tưởng và phản ứng cá nhân đối với những thay đổi xã hội, đòi hỏi thơ cần có những phương cách diễn đạt mới. Đối với thơ Việt, trong thời đại toàn cầu hóa và cuộc cách mạng tin học đầu thế kỷ 21 sẽ như thế nào? Thơ tự do và vận điệu vẫn tiếp tục, dĩ nhiên, nhưng cần bổ túc thêm thơ Tân hình thức Việt, vì đây là một thể loại đặc biệt thuần Việt, nối kết giữa vận điệu và tự do, hơn nữa, còn có ưu thế chuyển tải tư tưởng và dịch thuật, dễ giao lưu với những dòng thơ khác trên thế giới.

Điều cần ghi chú thêm, nửa sau thế kỷ 20, ở Mỹ, chỉ vồn vện 30 năm, từ đầu thập niên 1950 đến hết thập niên 1980, đã có tất cả 6 phong trào tiên phong: Black Mountain School, Beat Generation, New York School, Confessional Movement, Language Poetry, New Formalism Poetry. Nhưng từ đầu thập niên 1990 đến nay, đã 25 năm, chưa có một phong trào tiên phong nào. Điều này chúng ta đã từng nói đến từ lâu, sau Tân hình thức, sẽ không còn phong trào tiên phong nào nữa. Vì đó là đặc tính thuộc thế kỷ 20. Bước sang thế kỷ mới, những nhà thơ tự do tiếp tục thực hành với những yếu tố đã được

khám phá từ những phong trào tiền phong trước đó, còn những nhà thơ thể luật, sẽ tiếp tục với quan điểm thơ Tân hình thức, nối kết giữa tự do và thể luật, qua hình thức thể luật và nhịp điệu văn xuôi.

Tờ báo giấy Tân hình thức đã ra được 9 số, cung cấp những thông tin căn bản và vô điều kiện về thơ, tới bạn đọc. Tuy với khả năng giới hạn, nhưng đây nhiệt huyết, chúng tôi tha thiết mong quý bạn đọc giúp đỡ chúng tôi, bằng cách cổ động, tìm kiếm và giới thiệu thêm những nhà thơ sáng tác thơ Tân hình thức, đồng thời, nếu có thể cộng tác với tờ báo bằng những bài viết ngắn về thơ. Chúng tôi xin đa tạ và chúc quý bạn đọc một năm sức khỏe và may mắn.

Hồ Đăng Thanh Ngọc
CHƠI BÀN TAY

Trên vỉa hè thằng bé chơi trò
chơi bàn tay thằng bé đưa hai
bàn tay múp múp ra và đếm
mười ngón rồi ngón cái bàn tay

phải chạm tinh tế vào ngón út
bàn tay trái rồi ngón trỏ bàn
tay trái chạm vào ngón cái bàn
tay phải rồi ngón giữa bàn tay

phải chạm vào ngón đeo nhẫn bàn
tay trái rồi ngón giữa bàn tay
trái chạm ngón út bàn tay phải
và cuối cùng khi ngón cái bàn

tay trái định chạm ngón đeo nhẫn
bàn tay phải thì nó bỗng chán
không chơi nữa bàn tay nó thông
xuống thông thượt có lẽ đi chơi

game thì thích hơn chẳng nhưng nó
đang đứng ngoài đường và nó còn
cố đưa ngón tay lên ngang mày
để xem ánh sáng có lọt qua

kẽ tay hay không nó nghĩ gì
thì làm sao tôi biết được nhưng
sao mà tôi lại nghĩ là nó
muốn đi chơi game cơ chứ làm

sao tôi nghĩ vậy làm sao tôi
nghĩ vậy trong buổi sáng trời hiu
hiu gió thế này?

Hạnh Ngô
CẢM ƠN EM

Cảm ơn em đã không tô son
Sau khi ăn để anh có thể hôn
Em tự nhiên và không sợ vết
Son dính trên cổ áo bài hát

Về vết son môi trên áo anh
Đã xưa rồi Diễm đã xưa rồi!
Cảm ơn em đã không xài nước
Hoa để anh không phải quay quắt

Nhớ mùi hương ấy trong những ngày
Thiếu vắng em không có mùi em
Anh cảm ơn em đã không thường
Nhấn tin vào những tôi bận rộn

Không hỏi ở đâu buồn hay vui
Không nhắn “em nhớ anh” dù biết
Em rất nhớ, cảm ơn em đã
Cho anh những giây phút tự do

Trong ràng buộc với nỗi nhớ em ...

Hương Thanh
HAI NGƯỜI GẶP NHAU

ở một nơi nào đó những
trừu tượng đôi lúc ra khỏi
ý tự nó trừu tượng một
cách riêng ngoài rìa cặp mắt

tôi về chiếc nón lá mà
tới hai chiếc nón lá ở
ngoài rìa vỉa hè khung hình
trong đó là món đồ ve

chai hai phía đến nhau chiếc
nón lá gặp nhau ngoài rìa
cặp mắt ngoài rìa vỉa hè
hai chiếc nón lá trên đường

nói về sự sống trong mọi
sự sống tầm thường những món
đồ ve chai trùu tượng nó
đã nằm ngoài rìa tôi ngoài

rìa cặp mắt ngoài rìa chỗ
tôi ngồi những món đồ ve
chai chết hai chiếc nón lá
gặp nhau như còn sống tôi

không có gì cả nháp ly
cà phê uống buổi sáng một
ngày tự nhiên hiếm hoi mình
thấy ngoài rìa quán cafe.

Xuân Thủy

THỜI ĐẠI ẢO TƯỢNG

Anh đang nhìn vào một chiếc gương
anh đang nhìn vào một màn hình
anh đang nhìn vào những điểm ảnh
những pixel li ti không anh
đang nhìn vào một thế giới không
có thật nhưng lại rất thật điều
mà những bài thơ xưa anh biết
không thể tạo ra những chiếc gương
những ảo ảnh những bức hình những
màn hình biến đổi không thể nào
sờ nắm bắt và ôm để cảm
thấy hơi ấm của tình người ...

Vương Ngọc Minh
CHUYỆN VÔ BỐ

tặng khế iêm

một người chồng (như
tôi – kẻ viết) mà
mọi ý tưởng nảy
đưa ra đều dẫn

đưa tới sai lầm
và một người vợ
(như nàng – dịu hiền)
thì nắm giữ hết

mọi thứ kể cả
sinh – vận mệnh người
chồng (kẻ viết – như
tôi) không những thế

người vợ (đảm đang
– như nàng) còn am
tường các cái từ
chính trị xã hội

cho tới ngoài đời
thường (tiền – bạc) thử
hỏi chuyện đôi lứa
như vậy (như tôi

– kẻ viết với nàng
– hiền dịu đảm đang)
có bền chặt!

Một bài thơ sáng tác giống thơ Tân hình thức Việt

Frank O' Hara
MORNING

I've got to tell you
how I love you always
I think of it on grey
mornings with death

in my mouth the tea
is never hot enough
then and the cigarette
dry the maroon robe

Frank O'Hara
BUỔI SÁNG

Tôi phải nói với em
làm sao tôi luôn yêu
em tôi nghĩ về điều
đó vào những buổi sáng

xám với nổi chết trong
miệng rồi trà chưa bao
giờ đủ nóng và thuốc
lá khô chiếc áo khoác

chills me I need you
and look out the window
at the noiseless snow

At night on the dock
the buses glow like
clouds and I am lonely
thinking of flutes

I miss you always
when I go to the beach
the sand is wet with
tears that seem mine

although I never weep
and hold you in my
heart with a very real
humor you'd be proud of

the parking lot is
crowded and I stand
rattling my keys the car
is empty as a bicycle

what are you doing now
where did you eat your
lunch and were there
lots of anchovies it

is difficult to think
of you without me in
the sentence you depress
me when you are alone

Last night the stars
were numerous and today
snow is their calling
card I'll not be cordial

there is nothing that
distracts me music is
only a crossword puzzle
do you know how it is

when you are the only
passenger if there is a
place further from me
I beg you do not go

màu hạt dẻ làm tôi
lạnh tôi cần em và
nhìn tuyết im ắng ngoài
cửa sổ trong đêm nơi

vũng tàu đậu những chiếc
xe buýt rực rỡ như
đám mây và tôi lẻ
loại nghĩ về những ống

sáo tôi luôn mắt em
khi tôi ra bãi biển
cát ướt với nước mắt
dường như của tôi mặc

dù tôi chưa bao giờ
khóc và giữ em trong
trái tim tôi với niềm
vui thích em có vẻ

tự hào bãi đậu đông
xe và tôi đứng lúc
lắc chùm chìa khóa chiếc
xe hơi trống trơn như

xe đạp bây giờ em
đang làm gì em ăn
trưa ở đâu và có
nhiều cá trông không thật

khó nghĩ về em với
không có tôi trong ý
tưởng em làm tôi buồn
phiền khi em ở một

minh đêm qua những vì
sao đầy đặc và hôm
nay tuyết là danh thiếp
của chúng tôi không thân

thiết không có gì làm
tôi sao lắng âm nhạc
chỉ là trò đồ chữ
em có biết thế nào

khi em là người hành
khách duy nhất nếu đó
là nơi xa hơn nơi
tôi xin em đừng đi.

TÂN HÌNH THỨC VIỆT MỘT DÒNG THƠ ĐƯỢC BÁO TRƯỚC?

Khế Iêm

Thơ Tân hình thức Việt xuất hiện vào mùa Xuân 2000, gợi ý từ phong trào thơ Tân hình thức Mỹ, đang nổi bật lúc bấy giờ, và cũng từ những ý tưởng hấp dẫn của chủ nghĩa hậu hiện đại. Nhưng thơ Tân hình thức Mỹ là phản ứng lại những phong trào thơ khó hiểu trước đó, và quay về với thơ thể luật truyền thống tiếng Anh. Trong khi, thơ Tân hình thức Việt phải tự tìm kiếm luật tắc riêng để phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ Việt. Kết quả, với 4 yếu tố “vất dòng, kỹ thuật lập lại, tính truyện, ngôn ngữ đời thường” tuôn vào những khung 5 chữ, 7 chữ và lục bát đã trở thành một thứ *luật tắc* mới của thơ Tân hình thức Việt, và được gọi là thể thơ *không vần*, bổ túc cho những thể thơ *có vần* của thơ Việt.

Thơ thể luật tiếng Anh, thơ vần điệu Việt, thơ tự do đều là những thể loại thơ đã có từ lâu. Mặc dù, thơ Tân hình thức Việt đã rút ra những yếu tố từ nhiều thể loại thơ truyền thống trước đó, nhưng để hòa hợp những yếu tố lại với nhau, thành luật thơ, phải có một bề dày sáng tác, và được công nhận. Và làm sao để có được niềm tin, đi hết một hành trình dài hơi và đơn độc như thế. Quả là một thách thức không nhỏ cho những nhà thơ khởi đầu của Tân hình thức Việt. Vào năm 2009, khi tìm hiểu loại thơ trình diễn Mỹ, thường gọi là thơ *Lời nói* (Spoken word poetry) và thơ *Slam*, cách sáng tác của loại thơ này giống y hệt thơ Tân hình thức Việt. Đây là loại thơ để trình diễn trước đám đông và thu lại qua Video, chứ không in trên giấy. Và trong 4 yếu tố của thơ Tân hình thức Việt, có 3 yếu tố trùng hợp với thơ *Lời nói*, “kỹ thuật lập lại, tính truyện, ngôn ngữ đời thường”. *Vất dòng* là yếu tố của thơ in ấn, bây giờ làm chức năng nối kết giữa hai thể loại, sáng tác trên giấy và sáng tác để trình diễn. Thơ thể luật tiếng Anh vì vướng vào luật thơ, còn thơ tự do lại không có nguyên tắc nào, nên không đáp ứng được nhu cầu sáng tác của thể loại thơ trình diễn. Sự trùng hợp những yếu tố sáng tác, chứng tỏ thơ Tân hình thức Việt uyển chuyển, khác xa và có khả năng hòa hợp với nhiều thể loại thơ, hơn hẳn Tân hình thức Mỹ.

Ở thời đại thông tin, chúng ta không còn tin vào những điều thần bí, *tiên tri*, như thơ ở những thế kỷ trước. Nhưng chúng ta lại có sự lập lại *trật tự* trong thế giới *hỗn mang*. Trong lúc đi tìm những bài thơ hay giới thiệu với bạn đọc, để tham khảo trong quá trình sáng tác thơ Việt, chúng tôi bắt gặp một nhà thơ nổi tiếng, mà một số sáng tác của ông lại cũng giống thơ Tân hình thức Việt. Chúng tôi xin giới thiệu hai bài thơ song ngữ: “Buổi sáng” (Morning) và “Lana Turner quỵ ngã” (Lana Turner has collapsed).

Bài “Buổi sáng” là bài thơ đầy cảm xúc về nỗi hoài nhớ và đơn độc của một mối tình sầu muộn đã mất. Những hình ảnh chập chờn cùng với câu chữ đan lẩn vào nhau càng làm cho không khí và câu chuyện trở nên mơ hồ. Người đọc phải hồi phục dấu chấm phẩy mới hiểu rõ, và dường như nhà thơ cũng chỉ muốn gửi gắm tâm sự riêng tư này đến cho một người. Bài thơ không khác gì những bài thơ 5 chữ của Tân hình thức Việt, cả về nội dung lẫn hình thức.

“Lana Turner quị ngã”: Ngày 9 tháng 2, 1962 là một ngày tuyết lạnh ở New York City. Nhà thơ Frank O’Hara, trên đường tới bến phà Staten Island Ferry, tham dự buổi đọc thơ tại Đại học cộng đồng Wagner College, ông mua một tờ New York Post đem theo. Và trong nửa giờ bập bênh trên sóng, ông đọc thấy một bản tin về nữ tài tử Lana Turner, bị ngất xỉu trong bữa tiệc sinh nhật lần thứ 42, do kiệt sức, và được đưa vào bệnh viện. Lana Turner tóc vàng, xinh đẹp, nổi tiếng nhất thời đó, cả tài năng lẫn tai tiếng, với những phim như “The Postman Always Rings Twice”, và “Imitation of Life.” Cô kết hôn 8 lần với 7 người chồng, có người làm đám cưới 2 lần. Ông làm bài thơ, “Lana Turner has collapsed”, và đọc trong buổi đọc thơ. Thật ra, tựa đề của bài báo là, “Lana Faints; In Hospital” (Lana Ngất xỉu; Trong Bệnh viện), ông đặt lại một cách hóm hỉnh, để chơi một trò chơi phi lý nho nhỏ.

Lana Turner has collapsed

Lana Turner has collapsed!
I was trotting along and suddenly
it started raining and snowing
and you said it was hailing
but hailing hits you on the head
hard so it was really snowing
and raining and I was in such a hurry
to meet you but the traffic
was acting exactly like the sky
and suddenly I see a headline
LANA TURNER HAS COLLAPSED!
there is no snow in Hollywood
there is no rain in California
I have been to lots of parties
and acted perfectly disgraceful
but I never actually collapsed
oh Lana Turner we love you get up

Lana Turner Quị Ngã!

Lana Turner quị ngã! Tôi đang
lon ton dọc theo đường và bất ngờ
trời đổ mưa và tuyết rơi và anh
nói đó là mưa đá nhưng mưa đá
đập mạnh vào đầu nên nó thật sự
là tuyết rơi và mưa và tôi đang
vội vàng tới gặp anh nhưng giao thông
xảy ra y hệt bầu trời và thành
lĩnh tôi thấy tựa đề bài báo
LUNA TURNER QUI NGÃ!
ở Hollywood không có tuyết ở
California không có mưa
tôi đã tham gia nhiều buổi tiệc và
hành sự đáng xấu hổ nhưng chưa bao
giờ quị ngã ô Lana Turner
chúng tôi thương cô hãy đứng lên

Bài thơ không khó hiểu, tất cả những gì xảy ra như đang xảy ra trước mắt. Người kể đi trên đường, như đang sống với một tâm thái khác. Trời bỗng đổ mưa hay tuyết rơi, ông không biết nữa, như thể ông đang bận tâm tới điều gì đó (về một người yêu hay người bạn?), và không còn phân biệt được làn ranh giữa tâm thức và thực tại. Ông mơ hồ tranh luận với ai đó về tuyết hay mưa đá, thật ra, ông tranh luận với chính ông, cho tới khi nhận ra, ông đang vội vàng, tới cho kịp gặp người bạn thơ trong buổi đọc thơ. Bầu trời xấu, thời tiết xấu và giao thông cũng xấu. Bất thành lĩnh ông liếc qua tựa đề một bài báo “LUNA TURNER QUI NGÃ!” Tựa đề chữ hoa làm chúng ta liên tưởng tới tựa đề bài thơ, như một tiếng kêu ngạc nhiên của cá nhân nhà thơ. Còn tựa đề trên tờ báo lại như một thông điệp gửi tới toàn thế giới. Ông so sánh thời tiết ở Hollywood, California với New York, và so sánh ông với Lana Turner. Ông cũng làm nhiều điều tệ hại trong những buổi tiệc tùng (say rượu, hút sách, hay đồng tính luyến ái?) Cuối cùng, người kể gửi lời trực tiếp tới Lana Turner, dù thế nào thì mọi người vẫn yêu quý cô. Cố gắng bình phục. Tiếng “ô” như một tiếng thở dài của một cá nhân, và “chúng tôi” ở đây, chỉ tất cả mọi người. Bài thơ “Lana Turner quị ngã” mau chóng trở thành bài thơ được yêu mến nhất của ông, in trong tập *Lunch Poems*.

Bài thơ liền lạc, không có dấu chấm phẩy, trông giống thơ Tân hình thức Việt, và chúng ta dễ nhận ra “*tính truyện, vắt dòng, lặp lại chữ và nhóm chữ, ngôn ngữ đời thường*”, trong cái khung thể luật thơ tiếng Anh (không dùng luật *iambic*). Nhiều nhà phê bình cho rằng, ông không quan tâm tới luật *iambic pentameter* hay *vần*. Và chính ông cũng cho rằng, ông không thích *nhịp điệu* (rhythm), *sự lặp lại nguyên âm* (assonance), và tất cả những nguyên tắc khác. Thơ đối với ông, chỉ là phương tiện giao tiếp với mọi người như một cuộc gọi điện thoại. Hầu hết thơ Frank O’ Hara được viết bằng thơ tự do, không vần và luật chính thức. Những nhà phê bình gọi thơ ông là “Tôi làm cái này tôi làm cái kia” (I do this, I do that). Vì đó là những chuyện kể tình cờ trong lúc ông xuống phố, uống một lon coke, đứng đọc tin, ghé thăm bạn, mua một tập thơ ... tường thuật chồng chất hết biên cố này tới biên cố khác, qua kinh nghiệm cá nhân, bắt gặp trên đường phố New York. Ông dùng những động từ thông thường, những danh từ chính xác để nắm bắt những câu nói trực tiếp, không cần liên từ như: “Nhanh lên! Trễ rồi” trong văn nói. Ông không phải là một nhà thơ chỉ viết những bài sonnet năm này qua năm khác, hoàn chỉnh từng âm từng chữ, từng vần, cũng không phải là nhà thơ đầu đầu với hình ảnh và biểu tượng, với ẩn dụ và hoán dụ. Thơ như là những vụ việc xảy ra ngay tức thì, là khoảnh khắc của thời gian được bắt lại, trong khung cảnh đời sống.

Now when I walk around at lunchtime
I have only two charms in my pocket
an old Roman coin Mike Kanemitsu gave me
and a bolt-head that broke off a packing case
when I was in Madrid (*Personal Poem*)

Bây giờ khi tôi đi quanh vào giờ ăn trưa
trong túi chỉ có hai lá bùa một đồng kềm
Roman cũ Mike Kanemitsu đã đưa
cho tôi và một miếng then cái bằng thiếc rơi
ra từ một kiện hàng khi tôi ở Madrid

Frank O’ Hara (1926 – 1966) là một nhà thơ năng động, thuộc những nhà thơ trường phái New York. Những nhà thơ chủ yếu trong trường phái này là Frank O’ Hara, John Ashbery, Kenneth Koch, trong đó Frank O’ Hara được coi như đầu đàn, vì những hoạt động đa dạng của ông. Trường phái New York là một thuật ngữ để ám chỉ phong trào hội họa Trừu tượng Biểu hiện (Abstract Expressionism), sau đó được dùng để chỉ chung những nhà thơ, họa sĩ, vũ công và nhạc sĩ sinh hoạt ở New York City, vào những thập niên 1950s, 1960s. Ông bắt đầu viết vào khoảng 1946 – 1950, lúc đó còn là sinh viên ở Havard, theo học khoa âm nhạc và sáng tác, sau chuyển qua tiếng Anh. Ông tiếp tục theo học ở Đại học Michigan và tốt nghiệp cao học nghệ thuật (MA). Đây là thời kỳ thử nghiệm và học hỏi, và ông làm khá nhiều thơ vần luật. Frank O’ Hara quan tâm tới hình ảnh, trong sự bất ngờ, khác biệt đặt cạnh kề nhau. Ông chịu ảnh hưởng từ những nhà thơ Pháp Rimbaud, Mallarmé, những nhà thơ siêu thực: “nói bằng ngôn ngữ thường ngày trong giấc mơ của người đọc” (theo Ashbery), nhà thơ Nga, Vladimir Mayakovski, những nhà thơ Mỹ như Williams Carlos Williams và W. H. Auden. Ông là một nhà thơ trẻ đầu tiên ở New York viết phê bình nghệ thuật, làm việc rất lâu trong bảo tàng viện Modern Art ở New York, mới đầu là thư ký, sau là trợ lý quản trị. Ông là bạn thân của những họa sĩ trừu tượng như Willem de Kooning, Jackson Pollock, Michael Goldberg ... và sáng tác thơ của ông được gợi hứng rất nhiều từ hội họa. Ông là một nhà thơ trong những họa sĩ.

Thập niên 1950s, 1960s Hoa kỳ nở rộ những phong trào tiên phong, từ những tiếng gầm rú của thể hệ mệт mỗi, Beat Generation, phản ứng lại đời sống xã hội, thắm đẫm màu sắc chính trị, tới trường phái Tự thú (Confessionism) với loại thơ chủ đề, chán thương tâm lý, trầm cảm, tự tử, tính dục, bệnh tâm thần ... đặc biệt là trường phái Black Mountain, chú tâm vào thử nghiệm và ngôn ngữ thơ, mang tính hàn lâm, nặng về phân tích và diễn giải, dẫn tới phong trào tiên phong thơ ngôn ngữ vào thập niên 1980. Trong môi trường hoạt náo như vậy, thơ trở thành những vấn đề nghiêm trọng, và loại thơ của Frank O’ Hara đứng luẩn khuất ở bên lề, kỳ quặc, không phải thơ, chỉ dành cho

người bình dân đọc. Ngay cả những nhà thơ trong trường phái New York cũng xa lạ với ông, như thơ John Ashbery mang màu sắc siêu thực, không ai hiểu nổi. Năm 1964 ông xuất bản tập *Lunch Poems*, những bài thơ viết trong giờ ăn trưa, khi làm việc ở Museum Modern Art. Hai năm sau, năm 1966 ông mất trong một tai nạn xe hơi, lúc vừa 40 tuổi. Cái chết trẻ và đầy kịch tính của ông cũng không đủ để làm những nhà phê bình quan tâm tới thơ ông. Nhưng thơ ông bán rất chạy, vì nói lên được tính cách đời sống hiện đại Mỹ. Bước sang thập niên 1970s, lại dồn dập những chuyển biến mới, ảnh hưởng chủ nghĩa hủy cấu trúc, đưa tới những hoạt động hàn lâm, hình thành phong trào Thơ L=A=N=G=U=A=G=E, và thập niên 1980s, nảy sinh phản ứng của những nhà thơ trẻ Tân hình thức, cùng những tác động của chủ nghĩa hậu hiện đại lên nhiều bộ môn, kiến trúc và văn học nghệ thuật.

Ba mươi năm sau ngày mất, thơ Frank O’ Hara bắt đầu đạt tới đỉnh của nó. Trong cuộc hội nghị về “Poetry of the 1950s” tổ chức tại Đại học Maine, Orono vào tháng 6 / 1996, có nhiều tham luận (11 tất cả) về Frank O’Hara hơn bất cứ cá nhân nhà thơ nào khác. Những cuốn sách nghiên cứu về cuộc đời và thơ ông được xuất bản, như một nhà thơ huyền thoại, ảnh hưởng không nhỏ trong văn hóa đại chúng (pop culture) và thơ đương đại Mỹ. Tập *Lunch Poems* được coi như một tập thơ của thế kỷ 21, viết vào năm 1964. Ông cũng được coi như nhà tiên tri của internet vì “Những bài thơ – giống như khi chúng ta đưa những đoạn văn và hình ảnh lên facebook, tweeter, hoặc nói (link) hình ảnh, video trên các website – chia sẻ (share), bảo lưu (save), và tái tạo kinh nghiệm về thế giới chung quanh.” (theo Adam Fitzgerald).

Sự trùng hợp ngẫu nhiên – “vất dòng, kỹ thuật lập lại, tính truyện, ngôn ngữ đời thường” – trong *cách làm thơ*, giữa thơ trình diễn (Open Word Poetry, Slam poetry), thơ in ấn (Frank O’ Hara) và thơ Tân hình thức Việt, là trường hợp hiếm hoi, giúp định hình *luật tắc* thơ Tân hình thức Việt. Khi *cách làm thơ* trở thành *luật tắc*, thì không ai có thể dị nghị và phán đoán thơ Tân hình thức Việt, dựa trên quan điểm của thơ vần điệu và tự do. Nếu đặt hai bài thơ của Frank O’ Hara giữa những bài thơ Tân hình thức Việt – trong “Thơ Tân hình thức Việt, tiếp nhận và sáng tạo” và “Thơ Kể” – nhiều bài thơ Việt vượt trội, có bài bản, và ý thức về nhịp điệu, với đông người tham gia, hình thành quan điểm sáng tác mang tính thể loại, thì thơ Frank O’ Hara là những cảm nhận cá nhân, ghi chép những chuyện vụn vặt thường ngày. Ghi chép những chuyện vụn vặt thường ngày mà trở thành thơ thì quả đã là điều kỳ thú. Một đặc điểm khác của thơ Tân hình thức Việt, những cái khung thể luật truyền thống, tạo hiệu ứng thị giác, giúp chất lọc ngôn ngữ, mở ra cho nhịp sống chung quanh tràn vào, làm cho thơ Tân hình thức Việt mới mẻ, sinh động, chân thật, và tư tưởng chuyển tải rõ ràng hơn.

Nếu tập *Lunch Poems* được coi là tập thơ của thế kỷ 21, thì thơ Tân hình thức Việt thực sự là dòng thơ của thế kỷ 21. Thơ Tân hình thức Việt cũng là một thể thơ mang tính toàn cầu, vì có thể áp dụng cho mọi ngôn ngữ, từ đa âm tới đơn âm, từ trình diễn tới in ấn. Tuy nhiên, đáp án của thơ Tân hình thức Việt vẫn còn tùy thuộc rất nhiều vào những thế hệ trẻ, trưởng thành trong thế kỷ này, vì là một thể thơ đang nằm trong tầm tay của họ.

Tham khảo

Mican Attix, Frank O’ Hara’s Lunch Poems: 21st Century Poetry Written in 1964.

Marjorie Perloff, From Frank O’ Hara: Poet among painters, new ed. U of Chicago press, 1997.

Frank O’ Hara, Personism: A Manifesto, 1959.